

Lịch ngày làm việc cho năm 2022. (Guadeloupe)

TIMESLES.COM

Tháng 1

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
52						1	2
01	3	4	5	6	7	8	9
02	10	11	12	13	14	15	16
03	17	18	19	20	21	22	23
04	24	25	26	27	28	29	30
05	31						

Tháng 4

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
13					1	2	3
14	4	5	6	7	8	9	10
15	11	12	13	14	15	16	17
16	18	19	20	21	22	23	24
17	25	26	27	28	29	30	

Tháng 7

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
26					1	2	3
27	4	5	6	7	8	9	10
28	11	12	13	14	15	16	17
29	18	19	20	21	22	23	24
30	25	26	27	28	29	30	31

Tháng 10

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
39						1	2
40	3	4	5	6	7	8	9
41	10	11	12	13	14	15	16
42	17	18	19	20	21	22	23
43	24	25	26	27	28	29	30
44	31						

Tháng 2

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
05		1	2	3	4	5	6
06	7	8	9	10	11	12	13
07	14	15	16	17	18	19	20
08	21	22	23	24	25	26	27
09	28						

Tháng 5

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
17							1
18	2	3	4	5	6	7	8
19	9	10	11	12	13	14	15
20	16	17	18	19	20	21	22
21	23	24	25	26	27	28	29
22	30	31					

Tháng 8

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
31	1	2	3	4	5	6	7
32	8	9	10	11	12	13	14
33	15	16	17	18	19	20	21
34	22	23	24	25	26	27	28
35	29	30	31				

Tháng 11

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
44		1	2	3	4	5	6
45	7	8	9	10	11	12	13
46	14	15	16	17	18	19	20
47	21	22	23	24	25	26	27
48	28	29	30				

Tháng 3

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
09		1	2	3	4	5	6
10	7	8	9	10	11	12	13
11	14	15	16	17	18	19	20
12	21	22	23	24	25	26	27
13	28	29	30	31			

Tháng 6

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
22			1	2	3	4	5
23	6	7	8	9	10	11	12
24	13	14	15	16	17	18	19
25	20	21	22	23	24	25	26
26	27	28	29	30			

Tháng 9

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
35				1	2	3	4
36	5	6	7	8	9	10	11
37	12	13	14	15	16	17	18
38	19	20	21	22	23	24	25
39	26	27	28	29	30		

Tháng 12

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
48				1	2	3	4
49	5	6	7	8	9	10	11
50	12	13	14	15	16	17	18
51	19	20	21	22	23	24	25
52	26	27	28	29	30	31	

Giai đoạn	Số ngày			Giờ làm việc mỗi tuần		
	Lịch ngày	Ngày làm việc	Ngày nghỉ	40 giờ tuần	36 giờ tuần	24 giờ tuần
Tháng 1	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 2	28	19	9	152	136.8	91.2
Tháng 3	31	20	11	160	144	96
Tháng 4	30	20	10	160	144	96
Tháng 5	31	20	11	160	144	96
Tháng 6	30	21	9	168	151.2	100.8
Tháng 7	31	20	11	160	144	96
Tháng 8	31	22	9	176	158.4	105.6
Tháng 9	30	22	8	176	158.4	105.6
Tháng 10	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 11	30	20	10	160	144	96
Tháng 12	31	22	9	176	158.4	105.6
1 phần tư	90	60	30	480	432	288
2 phần tư	91	61	30	488	439.2	292.8
1 nửa năm	181	121	60	968	871.2	580.8
3 phần tư	92	64	28	512	460.8	307.2
4 phần tư	92	63	29	504	453.6	302.4
2 nửa năm	184	127	57	1016	914.4	609.6
1 năm	365	248	117	1984	1785.6	1190.4

1 thg 1, 2022	Ngày đầu năm	6 thg 6, 2022	Whit thứ hai
28 thg 2, 2022	lễ hội hóa trang	14 thg 7, 2022	Ngày Bastille
1 thg 3, 2022	lễ hội hóa trang	15 thg 8, 2022	Đức mẹ Maria
2 thg 3, 2022	lễ hội hóa trang	1 thg 11, 2022	Ngày tất cả các vị thánh
24 thg 3, 2022	Thứ Năm giữa Mùa Chay	11 thg 11, 2022	Ngày đình chiến
18 thg 4, 2022	Thứ Hai Phục Sinh	25 thg 12, 2022	ngày Giáng Sinh
1 thg 5, 2022	Ngày lao động	28 thg 2, 2022	Shrove Thứ Hai
8 thg 5, 2022	Ngày chiến thắng trong Thế chiến II	1 thg 3, 2022	Shrove Thứ Ba
26 thg 5, 2022	Lễ thăng thiên	2 thg 3, 2022	Thứ Tư Lễ Tro
27 thg 5, 2022	Ngày bãi bỏ	1 thg 5, 2022	Ngày tháng năm